TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **121**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 13-11-2018.
V/v tranh chấp:"Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Điệp

Bà Trần Thanh Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Đình Linh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Đinh Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 561/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23/10/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Quang N, sinh năm 1982

Địa chỉ: 160B, ấp 1, xã H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Kim Ng**, sinh năm 1989

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(anh N có mặt, chị Ng vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn anh Phạm Quang Ng trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Kim Ng chung sống vào năm 2007, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (giấy chứng nhận kết hôn số 106, quyển số 01/2007 ngày 29/12/2007).

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên thường xuyên bất hòa, cãi nhau. Ngoài ra anh nghi ngờ chị Ng có mối quan hệ với người đàn ông khác, nên từ tháng 9/2015 chị Ng tự ý bỏ ra ở trọ. Vợ chồng chính thức sống ly thân tháng 9/2015 đến nay, không hòa giải đoàn tụ lần nào.

Nay anh cương quyết xin ly hôn với chị Ng vì mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng và kéo dài, không còn khả năng hòa giải đoàn tụ.

- Con chung: có 02 cháu là Phạm Ngân S, sinh ngày 05/02/2008 và Phạm Nguyên V, sinh ngày 26/11/2011. Nếu ly hôn, anh xin nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị Ng cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh làm thợ hàn (mở cơ sở riêng ở nhà), thu nhập trung bình mỗi tháng 9.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

- Tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

** Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim Ng đã được niêm yết hợp lệ các thông báo, quyết định của Tòa án nhưng không đến Tòa án cung cấp chứng cứ nên không có bản khai.*

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách tố tụng, thu thập chứng cứ, hòa giải, việc tuân theo pháp luật của đương sự và của hội đồng xét xử đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Anh Phạm Quang Ng và chị Nguyễn Thị Kim Ng tự nguyện chung sống từ năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Hạnh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh N khai là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng bất hòa, ngoài ra anh N nghi ngờ chị Ng có quan hệ với người đàn ông khác nên từ tháng 9/2015 vợ chồng sống ly thân nhau. Nay anh N xin ly hôn với chị Ng, xin nuôi 02 con chung là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim Ng đã được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo quy định.

[2].Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự: Anh Phạm Quang Ng xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim Ng, hiện nay chị Ng cư trú tại ấp T, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện N có thẩm quyền giải

quyết vụ án. Quan hệ tranh chấp được xác định là " Ly hôn, nuôi con". Căn cứ Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là anh Phạm Quang Ng, bị đơn là chị Nguyễn Thị Kim Ng.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Quang Ng và chị Nguyễn Thị Kim Ng tự nguyện chung sống từ năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (giấy chứng nhận kết hôn số 106, quyển số 01/2007) nên căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010) hôn nhân trên được xem là hợp pháp. Nay anh N cương quyết xin ly hôn với chị Ng và khai nại không còn tình cảm vợ chồng.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh N thì thấy: nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, ngoài ra anh N nghi ngờ chị Ng có quan hệ với người đàn ông khác nên vợ chồng bất hòa. Từ tháng 9/2015 chị Ng dọn ra ở trọ, từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Đối với chị Ng đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng thể hiện chị không có mong muốn hòa giải đoàn tụ. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa anh N và chị Ng đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho anh N được ly hôn với chị Ng là phù hợp pháp luật.

[4]. Về con chung, tài sản chung, nợ chung:

- Con chung: anh N và chị Ng có 02 con chung là cháu Phạm Ngân S, sinh ngày 05/02/2008 và Phạm Nguyên V, sinh ngày 26/11/2011. Tại phiên tòa anh N xin nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị Ng cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy từ khi anh N và chị Ng sống ly thân (tháng 9/2015) cho đến nay thì cháu Sơn và cháu Vy sống cùng cha, vì vậy để đảm bảo cho các cháu được phát triển ổn định về thể chất lẫn tinh thần, cần tiếp tục giao các con chung cho anh N nuôi dưỡng, chị Ng không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp pháp luật.

- Tài sản chung: anh N khai không có nên không giải quyết.

- Nợ chung: anh N khai không có nên không xem xét.

[5]. Về án phí: anh N phải chịu toàn bộ 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35,39, 147, 220, 227, 228, 264, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010), các điều 56, 58, 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Quang Ng về việc "Ly hôn, nuôi con" đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Kim Ng.

1. Xử: Cho anh Phạm Quang Ng được ly hôn chị Nguyễn Thị Kim Ng.

2. Về con chung: Xử giao cháu Phạm Ngân S, sinh ngày 05/02/2008 và Phạm Nguyên V, sinh ngày 26/11/2011 cho anh N nuôi dưỡng. Chị Ng không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi vị trí nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Anh Phạm Quang Ng phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 004098 ngày 09/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đồng Nai. anh N đã nộp đủ án phí.

Anh Phạm Quang Ng được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng chị Nguyễn Thị Kim Ng được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- UBND xã H;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Mai